



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG
THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(đã được kiểm toán)



A member of **HLB** International

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-37
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-37

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liet,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam theo Quyết định số 3075/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 15/10/2007 và Quyết định số 1703/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 09/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100103175 ngày 16/06/2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà nội cấp, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 18/07/2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liet, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Văn Lung	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Phó Chủ tịch
Ông Lê Mạnh Hiệp	Ủy viên
Ông Nguyễn Chí Trường	Ủy viên
Ông Đỗ Ngọc Cương	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Võ Văn Lung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Như Hùng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Phong Thắng	Trưởng ban
Bà Trịnh Thị Vinh	Thành viên
Bà Đoàn Thị Minh Phương	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liet,

Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Ngọc Lâm

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2016

IT
CƠ
KH
HÀNH
HC

Số: 882 /2016/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP được lập ngày 10 tháng 02 năm 2016, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2015 Tổng công ty đã thực hiện đối chiếu và gửi thư xác nhận công nợ phải thu, công nợ phải trả cho khách hàng và nhà cung cấp, tuy nhiên đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Tổng Công ty vẫn chưa nhận được đầy đủ các biên bản đối chiếu xác nhận của khách hàng và nhà cung cấp. Giá trị các khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được đối chiếu tương ứng là 21 tỷ đồng và 8,7 tỷ đồng.

Do đặc thù hoạt động của Công ty là tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình xây dựng thủy điện, thủy lợi thuộc các chủ đầu tư là các ban A trực thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn các tỉnh. Các công trình Tổng Công ty thực hiện thường có thời gian thanh quyết toán kéo dài, vì vậy các khoản phải thu nêu trên thường quá hạn theo thông tư số: 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 về trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá các khoản Công nợ trên vẫn có khả năng thu hồi và không thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ này.

Với các lý do nêu trên, chúng tôi không thể đánh giá, xác định được mức độ ảnh hưởng của các vấn đề này đến các chỉ tiêu trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi - HEC đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đưa ra ý kiến ngoại trừ các vấn đề: Công ty chưa thực hiện đối chiếu công nợ đầy đủ, chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu và trích lập dự phòng hàng tồn kho.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0063-2013-002-1

Dương Quân Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1686-2013-002-1

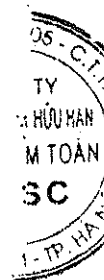
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		160.843.472.969	168.074.035.861
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	44.664.684.885	20.865.008.299
111	1. Tiền		40.464.684.885	20.865.008.299
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.200.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		88.280.221.430	111.999.431.115
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	49.435.040.005	63.709.420.704
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		13.311.213.856	22.623.512.998
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	25.533.967.569	25.666.497.413
140	IV. Hàng tồn kho	7	27.809.562.803	34.918.395.647
141	1. Hàng tồn kho		27.809.562.803	34.918.395.647
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		89.003.851	291.200.800
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	-	205.853.003
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		28.491.651	14.370.080
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	60.512.200	70.977.717
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		30.108.138.444	30.985.377.773
220	II. Tài sản cố định		21.052.245.710	23.063.704.420
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	20.650.179.715	22.415.523.425
222	- Nguyên giá		40.850.035.508	40.562.681.851
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(20.199.855.793)	(18.147.158.426)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	402.065.995	648.180.995
228	- Nguyên giá		1.094.660.000	1.094.660.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(692.594.005)	(446.479.005)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	7.257.784.306	7.257.784.306
251	1. Đầu tư vào công ty con		4.186.000.000	4.186.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		2.050.000.000	2.050.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.021.784.306	1.021.784.306
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.798.108.428	663.889.047
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	858.067.149	663.889.047
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		940.041.279	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		190.951.611.413	199.059.413.634



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		130.033.468.256	139.492.504.472
310	I. Nợ ngắn hạn		127.377.921.876	133.515.595.368
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	11.517.577.847	11.714.243.422
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		26.597.815.463	36.183.686.437
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	7.406.635.554	4.569.965.529
314	4. Phải trả người lao động		23.091.143.902	22.463.421.754
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	11.202.604.257	10.469.038.725
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	25.151.117.128	26.970.928.199
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	19.212.023.160	17.722.460.181
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3.199.004.565	3.421.851.121
330	II. Nợ dài hạn		2.655.546.380	5.976.909.104
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	14	2.655.546.380	5.976.909.104
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		60.918.143.157	59.566.909.162
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	60.918.143.157	59.566.909.162
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		44.000.000.000	44.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		44.000.000.000	44.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		11.539.157.171	10.411.635.710
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.378.985.986	5.155.273.452
421b	LNST chưa phân phối năm nay		5.378.985.986	5.155.273.452
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		190.951.611.413	199.059.413.634

11/01
ĐANG
NHẬN
KIỂM
AA
4/1/16

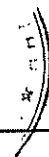


Bùi Thị Lê
Người lập



Phan Kim Yến
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Lâm
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	131.591.905.549	117.938.960.149
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		131.591.905.549 ✓	117.938.960.149
11	4. Giá vốn hàng bán	19	110.067.751.101	100.333.094.794
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		21.524.154.448	17.605.865.355
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	714.030.217 ✓	1.459.899.500
22	7. Chi phí tài chính	21	1.971.085.819	1.371.348.239
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.964.407.377	1.364.890.016
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	13.946.869.183	12.138.242.850
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.320.229.663	5.556.173.766
31	11. Thu nhập khác	23	2.517.564.056	2.386.066.243
32	12. Chi phí khác	24	1.699.028.591 ✓	496.086.393
40	13. Lợi nhuận khác		818.535.465	1.889.979.850
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.138.765.128	7.446.153.616
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	1.759.779.142	1.442.084.822
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>5.378.985.986</u>	<u>6.004.068.794</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	1.222	1.365




Bùi Thị Lê
Người lập

Phan Kim Yến
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Lâm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		7.138.765.128	7.446.153.616
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.380.936.892	2.692.961.030
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(734.030.217)	(1.495.604.242)
06	- Chi phí lãi vay		1.964.407.377	1.364.890.016
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		10.750.079.180	10.008.400.420
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		23.715.553.631	(15.361.494.329)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		6.168.791.565	(589.260.695)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(10.009.178.267)	(11.228.598.314)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		11.674.901	272.463.448
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.867.865.958)	(1.336.448.684)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.436.241.712)	(1.672.074.886)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	2.934.225.167
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.564.530.768)	(4.740.688.150)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		25.768.282.572	(21.713.476.023)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(369.478.182)	(1.410.750.185)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		20.000.000	140.200.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		714.030.217	1.458.252.090
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		364.552.035	187.701.905
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		19.212.318.941	19.831.390.231
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(17.722.755.962)	(7.779.403.207)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.822.721.000)	(4.080.696.149)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.333.158.021)	7.971.290.875



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		23.799.676.586	(13.554.483.243)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		20.865.008.299	34.419.491.542
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>44.664.684.885</u>	<u>20.865.008.299</u>

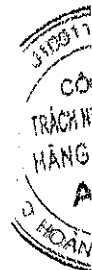



Bùi Thị Lê
Người lập

Phan Kim Yến
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Lâm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2016



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam theo Quyết định số 3075/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 15/10/2007 và Quyết định số 1703/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 09/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100103175 ngày 16/06/2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 18/07/2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 44.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 44.000.000.000 đồng; tương đương 4.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Tư vấn, khảo sát, thiết kế các công trình xây dựng, thủy lợi.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh khách sạn, cho thuê bất động sản, văn phòng;
- In đồ án thiết kế, các tài liệu chuyên môn nghiệp vụ, tạp chí, sách báo theo quy định và giấy phép của cơ quan có thẩm quyền; Xuất nhập khẩu, làm đại lý, dịch vụ, thương mại máy móc, thiết bị, vật tư in và tư vấn về in;
- Thí nghiệm đất, đá, nước, nền, móng, vật liệu, kết cấu xây dựng phục vụ thiết kế, kiểm tra chất lượng công trình, kiểm định chất lượng xây dựng, xác định nguyên nhân sự cố công trình;
- Xây dựng thực nghiệm các công trình thuộc đề tài nghiên cứu chuyển giao công nghệ: khoan, phụt, xử lý nền và thân công trình, sửa chữa xe, máy chuyên dùng và gia công cơ khí;
- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án thủy lợi, thủy điện;
- Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới vào thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện;
- Quản lý dự án, đầu tư và xây dựng công trình;
- Tham gia đào tạo bồi dưỡng các chức danh tư vấn xây dựng (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế, thẩm định dự toán công trình (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề);
- Tư vấn về lập dự án đầu tư, thiết kế, đấu thầu (không bao gồm xác định giá gói thầu và giá hợp đồng trong Xây dựng) và hợp đồng kinh tế trong xây dựng (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện, lắp đặt thiết bị; Giám sát thi công xây dựng công trình: lĩnh vực chuyên môn khảo sát địa chất, khảo sát trắc địa, khảo sát địa chất thủy văn;
- Khảo sát xây dựng các công trình bao gồm: khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát trắc địa, khảo sát địa vật lý, khảo sát thủy văn, môi trường;

108
GTY
EM HƯ
KIỂM
AS
TÊN

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

Thiết kế bao gồm: Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện; Thiết kế hệ thống điện công trình thủy lợi, thủy điện; Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện; Thiết kế cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện; Thiết kế kiến trúc các công trình xây dựng;

- Khảo sát xây dựng các công trình bao gồm: khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát trắc địa, khảo sát địa vật lý, khảo sát thủy văn, môi trường;
- Lập dự án đầu tư quy hoạch xây dựng thủy lợi, thủy điện, lập tổng dự toán công trình xây dựng (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề);
- Ngành môi trường nước - cấp thoát nước: Thiết kế cấp thoát nước và xử lý chất thải công trình xây dựng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Tư vấn 11 - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội (HEC 11)	Tầng 6, Tòa nhà số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Tư vấn, khảo sát, thiết kế
Công ty Tư vấn 12 - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội (HEC 12)	Tầng 4, Tòa nhà số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Tư vấn, khảo sát, thiết kế
Công ty Tư vấn 13 - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội (HEC 13)	Tầng 5, Tòa nhà số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Tư vấn, khảo sát, thiết kế
Công ty Tư vấn Địa kỹ thuật - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội (HEC 14)	Số 95/8/116, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Tư vấn, khảo sát, thiết kế
Công ty Khảo sát và Xây dựng số 15 - Chi nhánh Tổng Công ty tại Bắc Ninh (HEC 15)	Đình Bảng, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	Tư vấn, khảo sát, thiết kế
Chi nhánh Tổng Công ty tại Tỉnh Nghệ An (HEC 16)	Số 100, Mai Hắc Đế, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	Tư vấn, khảo sát, thiết kế
Công ty In Thủy lợi - Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội	Số 107, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Dịch vụ In
Chi nhánh Tổng Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 61/33 Bình Giã, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Tư vấn, khảo sát, thiết kế
Chi nhánh Tổng Công ty tại Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Số 52, Đường Đồng Đa, Thành Phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Tư vấn, khảo sát, thiết kế
Văn phòng đại diện Tổng Công ty tại Lào	Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	Tư vấn, khảo sát, thiết kế

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.



2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 32.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.



2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 45	năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản tiền nhận trước liên quan đến dịch vụ cung cấp.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

11/21/2015 10:10 AM

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	3.361.367.264	1.992.626.005
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	37.103.317.621	18.872.382.294
Các khoản tương đương tiền (*)	4.200.000.000	-
	44.664.684.885	20.865.008.299

- (*) Tại 31/12/2015, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 4.200.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương với lãi suất 4,5%/năm.

C.T.
 HỮU HẠ
 M.T
 ASC
 KIỂM

M.S.D.N - D.T.
 TRÀ
 HÃ
 Q. HOY

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CIGP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con:	4.186.000.000	-	4.186.000.000	-
- Công ty cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	2.507.000.000	-	2.507.000.000	-
- Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi 3	1.679.000.000	-	1.679.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	2.050.000.000	-	2.050.000.000	-
- Công ty cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	1.050.000.000	-	1.050.000.000	-
- Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	1.021.784.306	-	1.021.784.306	-
- Công ty Tư vấn Công trình Châu Á - Thái Bình Dương	1.021.784.306	-	1.021.784.306	-
	7.257.784.306	-	7.257.784.306	-

Ghi chú: Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

b) Chi tiết đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	Quảng Ngãi	50,65%	50,65%	Tư vấn, khảo sát xây dựng
Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi 3	Khánh Hòa	58,80%	58,80%	Tư vấn, thiết kế xây dựng

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Ninh Bình	30,00%	30,00%	Tư vấn, khảo sát xây dựng
Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Hà Nội	40,00%	40,00%	Tư vấn, khảo sát xây dựng

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 31.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Tư vấn Công trình Châu Á - Thái Bình Dương	Hà Nội	18,00%	18,00%	Tư vấn, khảo sát xây dựng

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Sở Nông nghiệp Cao Bằng	4.918.648.000	1.242.018.000
- Ban quản lý dự án vùng đồi huyện T.Thủy	841.090.000	4.085.534.000
- Ban quản lý dự án 415 (Bình Thuận)	2.656.520.000	4.063.510.000
- Dự án Phan Rí, Phan Thiết	1.145.999.206	1.387.515.018
- Sở Nông nghiệp & PTNT Thanh Hoá	-	1.362.295.699
- Ban QLDA Sông Tích	2.886.550.000	4.475.187.000
- Công ty TNHH MTV XDCT 507 tại Quảng Ninh	4.132.931.000	4.132.931.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	32.853.301.799	42.960.429.987
	49.435.040.005	63.709.420.704

6 . PHẢI THU NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu người lao động thuế TNCN	91.264.199	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	290.827.108	-	1.232.079.111	-
Tạm ứng	20.515.342.224	-	20.437.343.925	-
Ký cược, ký quỹ	290.650.000	-	290.650.000	-
Phải thu người lao	1.358.516.638	-	-	-
Phải thu chi phí in ấn	912.165.073	-	863.501.698	-
Phải thu khác	2.075.202.327	-	2.842.922.679	-
	<u>25.533.967.569</u>	<u>-</u>	<u>25.666.497.413</u>	<u>-</u>

. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.344.448.195	-	2.102.383.383	-
Công cụ, dụng cụ	349.711.011	-	323.058.038	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26.115.403.597	-	32.492.954.226	-
	<u>27.809.562.803</u>	<u>-</u>	<u>34.918.395.647</u>	<u>-</u>

30/11/11
CÔNG
TÁCH NHỮ
HÀNG K
A
HOÀN

21 * HINH

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Số dư đầu năm	20.298.835.155	8.898.283.934	10.304.077.488	843.862.060	217.623.214	40.562.681.851						
- Mua trong năm	-	369.478.182	-	-	-	369.478.182						
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(82.124.525)	-	-	(82.124.525)						
Số dư cuối năm	20.298.835.155	9.267.762.116	10.221.952.963	843.862.060	217.623.214	40.850.035.508						
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư đầu năm	4.506.910.438	6.867.530.392	5.910.541.885	644.552.497	217.623.214	18.147.158.426						
- Khấu hao trong năm	657.938.748	614.791.366	862.091.778	-	-	2.134.821.892						
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(82.124.525)	-	-	(82.124.525)						
Số dư cuối năm	5.164.849.186	7.482.321.758	6.690.509.138	644.552.497	217.623.214	20.199.855.793						
Giá trị còn lại	15.791.924.717	2.030.753.542	4.393.535.603	199.309.563	-	22.415.523.425						
Tại ngày đầu năm	15.133.985.969	1.785.440.358	3.531.443.825	199.309.563	-	20.650.179.715						
Tại ngày cuối năm												

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.476.673.888 VND

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Tư vấn Xây dựng Điện I	1.497.559.665	1.497.559.665	1.997.559.665	1.997.559.665
- Công ty Cổ phần Tư vấn XD Thủy Lợi Thanh Hóa	2.046.912.000	2.046.912.000	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	7.973.106.182	7.973.106.182	9.716.683.757	9.716.683.757
	11.517.577.847	11.517.577.847	11.714.243.422	11.714.243.422
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 31.)	-	-	86.670.700	86.670.700



TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

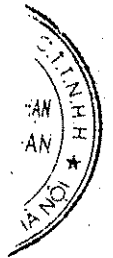
Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		3.414.007.506		8.237.497.549		6.062.682.045		-		5.588.823.010	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		789.272.165		2.141.166.741		1.436.241.712		-		1.494.197.194	
Thuế Thu nhập cá nhân	70.923.141		79.394.153		600.440.756		628.282.906		60.457.624		41.086.486	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		239.548.683		2.299.271.084		2.299.271.084		-		239.548.683	
Các loại thuế khác	-		47.743.022		12.500.000		17.262.841		-		42.980.181	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	54.576		-		-		-		54.576		-	
	70.977.717		4.569.965.529		13.290.876.130		10.443.740.588		60.512.200		7.406.635.554	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	124.982.751	28.441.332
- Chi phí trích trước thầu phụ các công trình	11.077.621.506	10.440.597.393
	<u>11.202.604.257</u>	<u>10.469.038.725</u>

14 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	2.655.546.380	5.976.909.104
	<u>2.655.546.380</u>	<u>5.976.909.104</u>

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	2.562.130.039	2.638.343.079
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.285.570.658	3.468.291.658
- Quỹ đóng góp của cán bộ nhân viên	3.363.512.352	3.077.573.837
- Phải trả chi phí giám sát tác giả theo quy định	4.535.991.481	5.886.883.000
- Phải trả tiền bảo hiểm các công trình	1.125.915.200	211.152.000
- Các khoản phải trả cán bộ CNV tiền vay	10.029.519.533	9.114.223.066
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.248.477.865	2.574.461.559
	<u>25.151.117.128</u>	<u>26.970.928.199</u>



TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

16 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
		nợ				nợ
- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hà Nội (1)	VND 10.569.706.750	VND 10.569.706.750	VND 18.712.318.941	VND 15.980.755.962	VND 13.301.269.729	VND 13.301.269.729
- Vay cá nhân (2)	7.152.753.431	7.152.753.431	500.000.000	1.742.000.000	5.910.753.431	5.910.753.431
	17.722.460.181	17.722.460.181	19.212.318.941	17.722.755.962	19.212.023.160	19.212.023.160

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/15/HIM ngày 19/05/2015, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 15 tỷ;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn của hợp đồng: 09 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn (theo từng Giấy nhận nợ). Tổng thời hạn cho vay của Hợp đồng tín dụng này bằng thời hạn rút vốn cộng với thời hạn cho vay tối đa của Giấy nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất tại thời điểm 31/12/2015 là 9% và 9,5%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Đảm bảo 02 tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Bên vay tại Ngân hàng với tổng giá trị 97.310,17 USD.

(2) Các khoản vay cá nhân với lãi suất 12%/năm, khoản vay theo hình thức tín chấp và thời hạn vay là 03 tháng.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	44.000.000.000	8.991.456.710	6.691.439.377	59.682.896.087
Lãi trong năm trước	-	-	6.004.068.794	6.004.068.794
Phân phối lợi nhuận	-	1.420.179.000	(7.540.234.719)	(6.120.055.719)
Số dư cuối năm trước	44.000.000.000	10.411.635.710	5.155.273.452	59.566.909.162
Số dư đầu năm nay	44.000.000.000	10.411.635.710	5.155.273.452	59.566.909.162
Lãi trong năm nay	-	-	5.378.985.986	5.378.985.986
Phân phối lợi nhuận	-	1.200.813.000	(5.155.273.452)	(3.954.460.452)
Giảm khác	-	(73.291.539)	-	(73.291.539)
Số dư cuối năm nay	44.000.000.000	11.539.157.171	5.378.985.986	60.918.143.157

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 19/2015/NQ- ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 05 năm 2015, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	6.004.068.794
Trích Quỹ đầu tư phát triển	20,00%	1.200.813.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	36,03%	2.163.255.794
Trong đó số đã tạm phân phối trong năm 2014 là 848.795.342 VND		-
Chi trả cổ tức (bằng 6 % vốn điều lệ)	43,97%	2.640.000.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà Nước	49,00%	21.560.000.000	49,00%	21.560.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	51,00%	22.440.000.000	51,00%	22.440.000.000
	100%	44.000.000.000	100%	44.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	44.000.000.000	44.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	44.000.000.000	44.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	44.000.000.000	44.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.640.000.000	5.280.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	2.640.000.000	5.280.000.000

1110
ĐNG T
HIỆM HỮ
KIỂM T
AS
EM - T

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

d) Cổ phiếu	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.400.000	4.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.400.000	4.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.400.000	4.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.400.000	4.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.400.000	4.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	11.539.157.171	10.411.635.710
	11.539.157.171	10.411.635.710

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	131.591.905.549	117.938.960.149
	131.591.905.549	117.938.960.149

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	110.067.751.101	100.333.094.794
	110.067.751.101	100.333.094.794

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	245.190.217	264.630.242
Cổ tức, lợi nhuận được chia	468.840.000	1.090.764.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	903.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	24.621.032
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	78.981.226
	714.030.217	1.459.899.500

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.964.407.377	1.364.890.016
Chi phí tài chính khác	6.678.442	6.458.223
	<u>1.971.085.819</u>	<u>1.371.348.239</u>

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.006.530.784	1.067.522.602
Chi phí nhân công	4.066.511.000	3.127.648.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	794.451.184	724.868.755
Thuế, phí, lệ phí	51.613.391	45.032.094
Chi phí dịch vụ mua ngoài	502.483.072	728.576.105
Chi phí khác bằng tiền	7.525.279.752	6.444.595.294
	<u>13.946.869.183</u>	<u>12.138.242.850</u>

23 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	20.000.000	140.210.000
Tiền cho thuê Văn phòng	1.390.872.723	1.738.284.177
Tiền thu từ đền bù, bồi hoàn	519.918.182	490.876.071
Thu tiền đề tài khoa học	453.333.333	-
Thu nhập khác	133.439.818	16.695.995
	<u>2.517.564.056</u>	<u>2.386.066.243</u>

24 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Các khoản bị phạt	1.169.847.370	42.086.393
Chi phí đề tài khoa học	476.000.000	-
Chi phí khác	53.181.221	454.000.000
	<u>1.699.028.591</u>	<u>496.086.393</u>

25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.138.765.128	7.446.153.616
Các khoản điều chỉnh tăng	1.329.070.973	199.541.393
- Chi phí không hợp lệ	1.329.070.973	199.541.393
Các khoản điều chỉnh giảm	(468.840.000)	(1.090.764.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(468.840.000)	(1.090.764.000)
Thu nhập tính thuế TNDN	7.998.996.101	6.554.931.009
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	1.759.779.142	1.442.084.822
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	381.387.599	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	789.272.165	1.019.262.229
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.436.241.712)	(1.672.074.886)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.494.197.194	789.272.165

CÔNG
NHỆ
G KI
A
NK

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	5.378.985.986	6.004.068.794
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.378.985.986	6.004.068.794
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.400.000	4.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.222	1.365

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.045.838.635	10.707.772.617
Chi phí nhân công	46.692.201.243	44.948.862.748
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.380.936.892	2.692.961.030
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.166.384.971	24.551.565.448
Chi phí khác bằng tiền	27.351.707.914	28.014.851.505
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	117.637.069.655	110.916.013.348

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	44.664.684.885	-	20.865.008.299	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	74.969.007.574	-	89.375.918.117	-
Đầu tư dài hạn	2.021.784.306	-	2.021.784.306	-
	<u>121.655.476.765</u>	<u>-</u>	<u>112.262.710.722</u>	<u>-</u>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			19.212.023.160	17.722.460.181
Phải trả người bán, phải trả khác			36.668.694.975	38.685.171.621
Chi phí phải trả			11.202.604.257	10.469.038.725
			<u>67.083.322.392</u>	<u>66.876.670.527</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.664.684.885	-	-	44.664.684.885
Phải thu khách hàng, phải thu khác	74.969.007.574	-	-	74.969.007.574
Đầu tư dài hạn	-	2.021.784.306	-	2.021.784.306
	<u>119.633.692.459</u>	<u>2.021.784.306</u>	<u>-</u>	<u>121.655.476.765</u>
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.865.008.299	-	-	20.865.008.299
Phải thu khách hàng, phải thu khác	89.375.918.117	-	-	89.375.918.117
Đầu tư dài hạn	-	2.021.784.306	-	2.021.784.306
	<u>110.240.926.416</u>	<u>2.021.784.306</u>	<u>-</u>	<u>112.262.710.722</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	19.212.023.160	-	-	19.212.023.160
Phải trả người bán, phải trả khác	36.668.694.975	-	-	36.668.694.975
Chi phí phải trả	11.202.604.257	-	-	11.202.604.257
	<u><u>67.083.322.392</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>67.083.322.392</u></u>
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	17.722.460.181	-	-	17.722.460.181
Phải trả người bán, phải trả khác	38.685.171.621	-	-	38.685.171.621
Chi phí phải trả	10.469.038.725	-	-	10.469.038.725
	<u><u>66.876.670.527</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>66.876.670.527</u></u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

30 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, khảo sát và thiết kế chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty. Mặt khác, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
		VND	VND
Mua hàng		4.449.929.091	1.884.079.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	Công ty con	2.502.842.727	903.607.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3	Công ty con	-	980.472.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Công ty liên kết	1.947.086.364	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
		VND	VND
Ứng trước cho nhà cung cấp		8.987.946.000	8.944.177.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	Công ty con	3.293.442.000	2.120.792.000
Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3	Công ty con	-	167.988.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Công ty liên kết	5.694.504.000	6.655.397.000
Phải trả người bán ngắn hạn		-	86.670.700
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	Công ty con	-	32.095.200
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3	Công ty con	-	54.575.500

010
C
TRÁCH
HÀNG
A
DẤU K

M.S.D.N.
S. K.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

32 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế (IFC) kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay. Chỉ tiêu "Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác" và chỉ tiêu "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" được phân loại lại cho phù hợp với tỷ lệ ích và quyền kiểm soát của Công ty.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC	
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
131	1. Phải thu khách hàng	63.709.420.704	63.709.420.704
132	2. Trả trước cho người bán	22.623.512.998	22.623.512.998
135	5. Các khoản phải thu khác	4.938.503.488	20.727.993.925
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	20.727.993.925	(20.727.993.925)
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	1.050.000.000	2.050.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	2.021.784.306	1.021.784.306
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	17.722.460.181	17.722.460.181
312	2. Phải trả người bán	11.714.243.422	11.714.243.422
313	3. Người mua trả tiền trước	36.183.686.437	36.183.686.437
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.569.965.529	4.569.965.529
315	5. Phải trả người lao động	22.463.421.754	22.463.421.754
316	6. Chi phí phải trả	10.469.038.725	10.469.038.725
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	26.970.928.199	26.970.928.199
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.421.851.121	3.421.851.121
338	8. Doanh thu chưa thực hiện	5.976.909.104	5.976.909.104
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	44.000.000.000	44.000.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	7.464.218.328	10.411.635.710
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	2.947.417.382	(2.947.417.382)
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.155.273.452	5.155.273.452
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
136	6. Phải thu ngắn hạn khác		
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
320	1. Vay và nợ thuế tái chính ngắn hạn		
311	2. Phải trả người bán ngắn hạn		
312	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
313	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
314	5. Phải trả người lao động		
315	6. Chi phí phải trả ngắn hạn		
319	10. Phải trả ngắn hạn khác		
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
336	12. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		



TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, Ngõ 95, Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

31 11. Thu nhập khác
32 12. Chi phí khác

2.398.811.243
508.831.393

31 11. Thu nhập khác
32 12. Chi phí khác

2.386.066.243
496.086.393

(12.745.000)
(12.745.000)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Bùi Thị Lê
Người lập

Phan Kim Yến
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Lâm
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2016

